

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám.

2. Ông Trần Văn Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị T, sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Phan Võ Hùng T1, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 31/01/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Võ Hùng T1 do có quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyền số 01/2015 ngày 28/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên

cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, cuộc sống chung của gia đình áp lực, anh Hùng T1 không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị gánh vác, kể cả tài chính. Chị và anh Hùng T1 đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả, cuộc sống vợ chồng càng không hạnh phúc. Chị và anh Hùng T1 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì chị và anh Hùng T1 không hàn gắn tình cảm được. Nay, chị nhận thấy nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, chị và anh Hùng T1 không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Võ Hùng T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Nhật Tiến, sinh ngày 15/6/2020. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Hùng T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Phan Võ Hùng T1 từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Hùng T1 vắng mặt.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy Chị T và anh Phan Võ Hùng T1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015 ngày 28/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, cuộc sống chung của gia đình áp lực, anh T1 vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, cho thấy cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, đối với 01 con chung sinh ngày 15/6/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi hiện Chị T đang nuôi dưỡng Chị T yêu cầu giao Chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T cho Chị T được ly hôn với anh Phan Võ Hùng T1.

- Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Võ Hùng T1, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh Phan Võ Hùng T1 có địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Võ Hùng T1 do có quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyền số 01/2015 ngày 28/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, cuộc sống chung của gia đình áp lực, anh Hùng T1 không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị gánh vác, kể cả tài chính, đến năm 2020 thì sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được.

Cho thấy anh T1 đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân như không chung sống với nhau một thời gian dài mà không có lý do chính đáng, chung sống với nhau không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Chị T xin ly hôn với anh T1 là có căn cứ, cần ghi nhận cho Chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Phan Nhật Tiến, sinh ngày 15/6/2020, hiện cháu Tiến đang sống với Chị T, Chị T yêu cầu giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T1 cũng không có ý kiến gì. Để đảm bảo cho cháu Tiến được nuôi dưỡng chăm sóc, đời sống, sinh hoạt không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tinh thần sự phát triển của cháu. Xét thấy yêu cầu của Chị T về việc giao con chung cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận

- Chị T không yêu cầu anh Hùng T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của Chị T nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phan Võ Hùng T1.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Nhật Tiến, sinh ngày 15/6/2020, hiện cháu Tiến đang sống với Chị T.

+ Ghi nhận việc Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018349 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Xem như Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T và anh Phan Võ Hùng T1 được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- UBND xã Bình Phú;
- UBND xã T;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp

